SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10873/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo giá đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc giao đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc; Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ các Công văn của Sở Y tế Bắc Ninh: số 1171/SYT-NVD ngày 05/9/2025 về việc triển khai, hướng dẫn trình tự thực hiện mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc; số 2448/SYT-NVD ngày 31/10/2025 về việc thực hiện mua sắm tập trung cấp địa phương đối với thuốc theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT; số 3996/SYT-

NVD ngày 24/7/2026 về việc mua sắm thuốc generic thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương nhưng chưa có KQLCNT giai đoạn 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 10044/QĐ-BVĐKBN2 ngày 20/10/2026 của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc phê duyệt danh mục, số lượng gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng KHLCNT gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028 tại Tờ trình ngày 05/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung, dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các Khoa, Phòng có liên quan của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 và các cá nhân, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định được phê duyệt, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Y tế (b/c);
- Lưu VT, TXDKHLCNT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC I: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028
(Kèm theo Quyết định số 10873/QĐ-BVĐKBN2 ngày 11/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2	Thuốc generic số 2 bổ sung	Mua sắm các thuốc chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028	**39.236.086.899 VND**	Nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế	Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	120 ngày	Quý IV năm 2026	Thỏa thuận khung, hợp đồng theo đơn giá cố định	- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 15 tháng kể từ ngày ký. - Thời gian thực hiện hợp đồng: 14 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của thoả thuận khung. - Thời gian thực hiện gói thầu: 14 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và trong thời gian hiệu lực của thoả thuận khung.	Có áp dụng

Tổng giá gói thầu: 39.236.086.899 VND

(Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín đồng chẵn).

PHỤ LỤC II: THÔNG TIN TỪNG PHẦN (LÔ) CỦA GÓI THẦU
Gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028
(Kèm theo Quyết định số 10873/QĐ-BVĐKBN2 ngày 11/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	GBS23	Magnesi sulfat	4	15%; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	24.510	2.900	71.079.000
2	GBS24	Metformin hydroclorid	2	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.630.456	1.000	1.630.456.000
3	GBS25	Metformin hydroclorid	3	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.447.000	819	1.185.093.000
4	GBS26	Methyl ergometrin maleat	4	0,2mg/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	11.230	11.500	129.145.000
5	GBS27	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	1	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	190.718	36.900	7.037.494.200
6	GBS28	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	2	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	28.156	31.899	898.148.244
7	GBS29	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	4	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	107.844	14.000	1.509.816.000
8	GBS30	Midazolam	1	5mg/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	31.616	27.000	853.632.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
9	GBS31	Natri clorid	1	0,9%; 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	100.590	16.500	1.659.735.000
10	GBS32	Natri clorid	4	0,9%; 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.852.036	6.180	11.445.582.480
11	GBS33	Natri clorid	4	10%; 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	18.365	11.897	218.488.405
12	GBS34	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4	1,4%; 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	5.204	43.200	224.812.800
13	GBS35	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4	1,4%; 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	5.116	54.000	276.264.000
14	GBS36	Neostigmin methylsulfat	2	0,5 mg/ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	21.950	9.200	201.940.000
15	GBS37	Oxytocin	1	5UI/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	295.421	12.500	3.692.762.500
16	GBS38	Perindopril tert-butylamin + Indapamid	4	8mg + 2,5mg	Uống	Viên	Viên	225.800	2.184	493.147.200
17	GBS39	Pethidin hydroclorid	1	100mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/	Lọ/Ống	9.950	32.949	327.842.550

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
						Thuốc tiêm truyền				
18	GBS40	Proparacain hydroclorid	1	0,5%; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/Ống	588	39.380	23.155.440
19	GBS41	Propofol	1	10mg/ml; 20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	135.080	35.000	4.727.800.000
20	GBS42	Ringer lactate	1	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	97.060	19.950	1.936.347.000
21	GBS43	Suxamethonium clorid	1	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	9.030	75.000	677.250.000
22	GBS44	Tetracain	4	0,5%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/Ống	1.072	15.015	16.096.080
		Tổng cộng: 22 khoản								**39.236.086.899**

PHỤ LỤC III: DANH MỤC ÁP DỤNG TUỲ CHỌN MUA THÊM
Gói thầu: Thuốc generic số 2 bổ sung
Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 năm 2026-2028
(Kèm theo Quyết định số 10873/QĐ-BVĐKBN2 ngày 11/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
1	GBS23	Magnesi sulfat	4	15%; 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	6.104	2.900	17.701.600
2	GBS24	Metformin hydroclorid	2	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	488.600	1.000	488.600.000
3	GBS25	Metformin hydroclorid	3	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	432.900	819	354.545.100
4	GBS26	Methyl ergometrin maleat	4	0,2mg/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	3.362	11.500	38.663.000
5	GBS27	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	1	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	50.081	36.900	1.847.988.900
6	GBS28	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	2	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	6.776	31.899	216.147.624
7	GBS29	Methylprednisolon (dưới dạng muối succinat)	4	40mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	31.548	14.000	441.672.000
8	GBS30	Midazolam	1	5mg/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	9.378	27.000	253.206.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
9	GBS31	Natri clorid	1	0,9%; 100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	29.500	16.500	486.750.000
10	GBS32	Natri clorid	4	0,9%; 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	511.640	6.180	3.161.935.200
11	GBS33	Natri clorid	4	10%; 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	5.504	11.897	65.481.088
12	GBS34	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4	1,4%; 250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	1.557	43.200	67.262.400
13	GBS35	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	4	1,4%; 500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	1.490	54.000	80.460.000
14	GBS36	Neostigmin methylsulfat	2	0,5 mg/ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	6.515	9.200	59.938.000
15	GBS37	Oxytocin	1	5UI/1ml; 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	73.524	12.500	919.050.000
16	GBS38	Perindopril tert-butylamin + Indapamid	4	8mg + 2,5mg	Uống	Viên	Viên	11.340	2.184	24.766.560
17	GBS39	Pethidin hydroclorid	1	100mg/2ml; 2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	2.879	32.949	94.860.171
18	GBS40	Proparacain hydroclorid	1	0,5%; 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/Ống	113	39.380	4.449.940
19	GBS41	Propofol	1	10mg/ml; 20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ/Ống	39.534	35.000	1.383.690.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng tuỳ chọn mua thêm	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền tuỳ chọn mua thêm (VND)
20	GBS42	Ringer lactate	1	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Túi	27.610	19.950	550.819.500
21	GBS43	Suxamethonium clorid	1	100mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/Ống	2.549	75.000	191.175.000
22	GBS44	Tetracain	4	0,5%; 10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/Ống	294	15.015	4.414.410
		Tổng cộng: 22 khoản								**10.753.576.493**